

QUYẾT ĐỊNH

Ban hành Khung chương trình đào tạo Giáo dục Mầm non, trình độ đại học

HIỆU TRƯỞNG TRƯỜNG ĐẠI HỌC SƯ PHẠM

Căn cứ Nghị định số 31/CP ngày 04 tháng 4 năm 1994 của Chính phủ về việc thành lập Đại học Thái Nguyên;

Căn cứ Thông tư số 10/2020/TT-BGDDĐT ngày 14 tháng 5 năm 2020 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo về ban hành Quy chế tổ chức, hoạt động của đại học vùng và các cơ sở giáo dục đại học thành viên;

Căn cứ Nghị quyết số 39/NQ-HĐDHTN ngày 19 tháng 11 năm 2021 của Hội đồng Đại học Thái Nguyên ban hành Quy chế tổ chức và hoạt động của Đại học Thái Nguyên;

Căn cứ Quyết định số 1323/QĐ-ĐHTN ngày 28 tháng 7 năm 2021 của Giám đốc Đại học Thái Nguyên về việc ban hành Quy định về đào tạo trình độ đại học theo hệ thống tín chỉ của Đại học Thái Nguyên;

Căn cứ Nghị quyết số 40/NQ-HĐT ngày 29 tháng 12 năm 2020 của Hội đồng trường Trường Đại học Sư phạm ban hành Quy chế tổ chức và hoạt động của Trường Đại học Sư phạm; Nghị quyết số 54/NQ-HĐT ngày 12 tháng 12 năm 2022 của Hội đồng trường, Trường Đại học Sư phạm về việc Sửa đổi, bổ sung một số điều và sửa đổi phụ lục của Quy chế tổ chức và hoạt động của Trường Đại học Sư phạm ban hành kèm theo Nghị quyết số 40/NQ-HĐT ngày 29 tháng 12 năm 2020 của Hội đồng trường Trường Đại học Sư phạm; Nghị quyết số 18/NQ-HĐT ngày 02 tháng 4 năm 2024 của Hội đồng trường Trường Đại học Sư phạm về việc sửa đổi, bổ sung một số điều của Quy chế tổ chức và hoạt động của Trường Đại học Sư phạm ban hành kèm theo Nghị quyết số 40/NQ-HĐT ngày 29 tháng 12 năm 2020 của Hội đồng trường Trường Đại học Sư phạm;

Căn cứ Quyết định số 4748/QĐ-ĐHSP ngày 16 tháng 11 năm 2021 của Hiệu trưởng Trường Đại học Sư phạm về việc ban hành Quy định đào tạo trình độ đại học của Trường Đại học Sư phạm; Quyết định số 5479/QĐ-ĐHSP ngày 20 tháng 12 năm 2021 của Hiệu trưởng Trường Đại học Sư phạm Sửa đổi một số điều trong Quy định đào tạo đại học của Trường Đại học Sư phạm ban hành theo Quyết định số 4748/QĐ-ĐHSP ngày 16 tháng 11 năm 2021; Quyết định số 624/QĐ-ĐHSP ngày 28 tháng 03 năm 2023 của Hiệu trưởng Trường Đại học Sư phạm về việc sửa đổi một số điều trong Quy định đào tạo đại học của Trường Đại học Sư phạm ban hành theo Quyết định số 4748/QĐ-ĐHSP ngày 16 tháng 11 năm 2021 và Quyết định số 5479/QĐ-ĐHSP ngày 20 tháng 12 năm 2021 của Hiệu trưởng Trường Đại học Sư phạm - Đại học Thái Nguyên;

Căn cứ Quyết định số 91/QĐ-ĐHSP ngày 10 tháng 01 năm 2024 của Hiệu trưởng Trường Đại học Sư phạm - Đại học Thái Nguyên về việc ban hành Quy định phát triển chương trình đào tạo các trình độ của giáo dục đại học của Trường Đại học Sư phạm;

Theo đề nghị của Trường phòng Phòng Đào tạo.





QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Ban hành kèm theo Quyết định này Chương trình đào tạo Giáo dục Mầm non, trình độ đại học của Trường Đại học Sư phạm (có Khung chương trình đào tạo kèm theo).

Điều 2. Khung chương trình đào tạo Giáo dục Mầm non, trình độ đại học ban hành kèm theo Quyết định này áp dụng đào tạo từ khoá 59 trở đi.

Điều 3. Trưởng phòng Phòng Đào tạo, các Trưởng đơn vị có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này. /.

Nơi nhận:

- ĐHTN (để b/c);
- Như Điều 3 (để t/h);
- Website Trường;
- Lưu: ĐT, VT (02).

HIỆU TRƯỞNG



PGS.TS Mai Xuân Trường



ĐẠI HỌC THÁI NGUYÊN
TRƯỜNG ĐẠI HỌC SƯ PHẠM

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

CHƯƠNG TRÌNH KHUNG GIÁO DỤC ĐẠI HỌC K59

Tên chương trình: Giáo dục Mầm non
Ngành đào tạo: Giáo dục Mầm non

Trình độ đào tạo: Đại học
Mã ngành: 7140201

(Ban hành theo Quyết định số: 2268/QĐ-ĐHSP, ngày 16 tháng 8 năm 2024
của Hiệu trưởng Trường Đại học Sư phạm).

TT	Mã số	Môn học	Số TC	Loại giờ tín chỉ					HP tiên quyết	HP học trước	Học kỳ dự kiến
				Lên lớp							
				Lý thuyết	Bài tập	Thực hành/ Thí nghiệm	Thảo luận/ Seminar	Thực tế CM			
I	Kiến thức giáo dục chung		26								
1	59SPH131	Triết học Mác – Lênin	3	32	10	6	10				1
2	59SPE121	Kinh tế chính trị Mác – Lênin	2	21	6	6	6			59SPH131	2
3	59SSO121	Chủ nghĩa xã hội khoa học	2	21	6	6	6			59SPE121	3
4	59HCM121	Tư tưởng Hồ Chí Minh	2	21	6	6	6			59SSO121	4
5	59HPV121	Lịch sử Đảng Cộng sản Việt Nam	2	21	6	6	6			59HCM121	5
6	59GEL121	Pháp luật đại cương	2	21	6	6	6				4
7	59ENG131	Tiếng Anh 1	3	30	10	15	5				1
8	59ENG132	Tiếng Anh 2	3	30	10	15	5			59ENG131	2
9	59ENG143	Tiếng Anh 3	4	40	15	20	5			59ENG132	3
10	59GIF131	Tin học đại cương	3	20	6	40	4				1
11	59PHE111	Giáo dục thể chất 1	2	4		36					2
12	59PHE112	Giáo dục thể chất 2	2	4		36					1
13	59PHE113	Giáo dục thể chất 3	2	4		36					3
14	59MIE131	Giáo dục quốc phòng		5 tuần tập trung							3
II	Kiến thức giáo dục chuyên nghiệp		35								
2.1. Kiến thức cơ sở			10								
Các học phần bắt buộc			7								
15	59CPP231	Sinh lý học trẻ em tuổi mầm non	3	30	6	15	9				1
16	59PPE241	Tâm lý học mầm non	4	42	9		15	12		59CPP231	2
Các học phần tự chọn			3								
17	59EKE231	Đàn phím điện tử	3	15		60					6
18	59CVE231	Văn hoá các dân tộc Việt Nam	3	30	6	15	9				1
19	59SSE231	Thống kê xã hội học	3	30	24		6				1
20	59RRP231	Quyền và bổn phận của trẻ mầm non	3	30	6	15	9				1

Chánh
Nguyễn

TT	Mã số	Môn học	Số TC	Loại giờ tín chỉ					HP tiên quyết	HP học trước	Học kỳ dự kiến
				Lên lớp							
				Lý thuyết	Bài tập	Thực hành/ Thí nghiệm	Thảo luận/ Seminar	Thực tế CM			
21	59IEE431	Đổi mới sáng tạo và giáo dục khởi nghiệp	3	32	10	6	10				1
2.2. Kiến thức ngành			25								
Các học phần bắt buộc			16								
22	59ECE341	Giáo dục học mầm non	4	42	3	15	6	12		59CPP231	2
23	59MRE331	Phương pháp nghiên cứu khoa học giáo dục mầm non	3	30	15	15				59ECE341	4
24	59DSP331	Phòng bệnh và đảm bảo an toàn cho trẻ mầm non	3	30	3	12	6	9		59CPP231	7
25	59PPC331	Giao tiếp sư phạm mầm non	3	30	3	12	6	9		59PPE241	3
26	59DPP331	Phát triển chương trình giáo dục mầm non	3	30	3	12	6	9		59ECE341	4
Các học phần tự chọn			9								
27	59CNP331	Dinh dưỡng trẻ em	3	30	3	12	6	9		59CPP231	2
28	59PCP331	Tâm bệnh học trẻ em tuổi mầm non	3	30	3	12	6	9		59PPE241	2
29	59 PTP331	Trắc nghiệm tâm lý trẻ em tuổi mầm non	3	30	9		12	9		59PPE241	2
30	59POP331	Đạo đức nghề nghiệp của người giáo viên mầm non	3	30	9		12	9		59ECE341	3
31	59IEP331	Giáo dục hòa nhập cho trẻ mầm non	3	27	3	18	6	9		59ECE341	7
32	59EIA331	Giáo dục trẻ mầm non theo quan điểm tích hợp	3	30	3	12	6	9		59ECE341	3
33	59MOP331	Quản lý giáo dục mầm non	3	30	3	12	6	9		59ECE341	7
III Kiến thức nghiệp vụ sư phạm			61								
Các học phần bắt buộc			40								
34	59PEP431	Giáo dục thể chất cho trẻ mầm non	3	27		27		9		59CPP231	4
35	59STE431	Giáo dục khoa học và công nghệ cho trẻ mầm non	3	27		24	3	9		59ECE341	5
36	59FMP441	Hình thành biểu tượng toán học cho trẻ mầm non	4	36	12	24		12		59ECE341	6
37	59TVC431	Dạy tiếng Việt cho trẻ ở trường mầm non	3	27	3	18	6	9		59ECE341	6
38	59OLF431	Tổ chức cho trẻ làm quen tác phẩm văn học	4	42	3	15	6	12		59ECE341	5



TT	Mã số	Môn học	Số TC	Loại giờ tín chỉ					HP tiên quyết	HP học trước	Học kì dự kiến
				Lên lớp							
				Lý thuyết	Bài tập	Thực hành/ Thí nghiệm	Thảo luận/ Seminar	Thực tế CM			
39	59OMP431	Âm nhạc và Tổ chức hoạt động âm nhạc cho trẻ mầm non	4	35	3	35		12		59ECE341	4
40	59OSP431	Tạo hình và Tổ chức hoạt động tạo hình cho trẻ mầm non	4	35	3	35		12		59ECE341	3
41	59EES431	Giáo dục tình cảm, kĩ năng xã hội cho trẻ mầm non	3	30	3	15	3	9		59ECE341	6
42	59AEC431	Đánh giá trong giáo dục mầm non	3	27	6	15	6	9		59ECE341	5
43	59TPS431	Rèn luyện nghiệp vụ sư phạm	3			90				59PEP431; 59STE431; 59FMP44; 59TVC43; 59OLF431; 59OMP431; 59OSP431; 59EES431; 59AEC431	7
44	59PIE431	Thực tập sư phạm 1	3		05 tuần tập trung					59ECE341	5
45	59PIE432	Thực tập sư phạm 2	3		07 tuần tập trung					59PIE431	8
Các học phần tự chọn			21								
46	59HCP431	Chăm sóc vệ sinh cho trẻ mầm non	3	30	3	12	6	9		59CPP231	4
47	59TDP431	Dạy múa cho trẻ mầm non	3		20	61		9		59ECE341	5
48	59OAF431	Tổ chức hoạt động vui chơi và ngày lễ, ngày hội cho trẻ mầm non	3	27	3	18	6	9		59ECE341	6
49	59CEE431	Tư vấn giáo dục mầm non	3	30	9	15	12	0		59ECE341	7
50	59DUT431	Thiết kế và làm đồ chơi trong giáo dục mầm non	3	30	3	18		9		59ECE341	7
51	59GEP431	Giáo dục giới tính cho trẻ mầm non	3	30	3	12	6	9		59ECE341	7
52	59OEP431	Tổ chức môi trường giáo dục cho trẻ mầm non	3	30	0	12	9	9		59ECE341	4
53	59AIE431	Ứng dụng công nghệ thông tin trong giáo dục mầm non	3	30	3	12	6	9		59ECE341	4
54	59EEP431	Giáo dục môi trường cho trẻ mầm non	3	30	3	12	6	9		59ECE341	6

Chữ ký

TT	Mã số	Môn học	Số TC	Loại giờ tín chỉ					HP tiên quyết	HP học trước	Học kỳ dự kiến
				Lên lớp							
				Lý thuyết	Bài tập	Thực hành/ Thí nghiệm	Thảo luận/ Seminar	Thực tế CM			
55	59EID431	Cán thiệp sớm trẻ khuyết tật	3	30	12	15	9			59ECE341	6
56	59TLE431	Kĩ thuật sử dụng ngôn ngữ trong giáo dục trẻ mầm non	3	30	6	12	3	9		59PPE241	7
57	59SUP431	Lựa chọn và sử dụng tác phẩm âm nhạc trong giáo dục trẻ mầm non	3	30	3	18		9		59OMP431	7
58	59LPE431	Phát triển ngôn ngữ cho trẻ mầm non vùng dân tộc thiểu số	3	30	3	12	6	9		59PPE241	7
59	59PCF431	Chuẩn bị cho trẻ vào lớp một	3	30	6	12	3	9		59ECE341	7
60	59OPE431	Tổ chức cho trẻ mầm non làm quen với tiếng Anh	3	30	12	15	9			59ECE341	7
IV	Khoá luận tốt nghiệp		6								
61	59GTG904	Khoá luận tốt nghiệp	6							59TPS431	8
Các học phần thay thế khóa luận tốt nghiệp			6								
62	59MEE901	Một số mô hình giáo dục mầm non hiện đại	3	30	3	12	6	9		59ECE341	8
63	59MEP901	Quản lý cảm xúc bản thân của người giáo viên mầm non	3	30	9	15	12			59PPC331	8
64	59STE901	Chuyên đề giáo dục mầm non	3	30	9	15	12			59ECE341	8
65	59APP901	Thích ứng nghề của người giáo viên mầm non	3	30	9	12	9			59PPC331	8
Tổng cộng			128								

Ghi chú: Tổng số **130** tín chỉ (không bao gồm các học phần Giáo dục thể chất và Giáo dục quốc phòng).

Leant *Ng*